

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 117/2024/HNGĐ- ST
Ngày 14-11-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
Về nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hồng

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc ly, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29-10-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Mông Thị T, sinh năm 2002- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Lương Ngọc L, sinh năm 2000- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2024 và bản tự khai ngày 09-10-2024 nguyên đơn chị Mông Thị T trình bày: Chị T và anh Lương Ngọc L kết hôn với nhau ngày 06-02-2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hòa thuận đến tháng 6-2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L cờ bạc, không chịu khó làm ăn dẫn đến nợ nần, không tôn trọng vợ con. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh L đã

sống ly thân từ tháng 9-2024. Chị T xác định tình không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có một con chung tên là Lương Thu Y, sinh ngày 19-3-2023. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương Thu Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Lương Ngọc L trình bày: Anh L và chị Mông Thị T kết hôn với nhau ngày 06-02-2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 6-2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh L và chị T đã sống ly thân từ tháng 9-2024. Anh L xác định tình không còn chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh L và chị T có một con chung tên là Lương Thu Y, sinh ngày 19-3-2023. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Y anh L đồng ý, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16-5-2024: Chị T được ly hôn anh L; giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mông Thị T và anh Lương Ngọc L kết hôn với nhau ngày 06-02-2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hòa thuận đến tháng 6-2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị T và anh L đã sống ly thân từ tháng 9-2024. Tại phiên tòa chị T và anh L vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của chị T và anh L xác định tình cảm không còn chị T xin ly hôn anh L Đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 24-10-2024 ở Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi chị T và anh L cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do thi thoảng vợ chồng có cãi nhau bất đồng quan điểm sống, chị T đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị T và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xét xử cho chị T được ly hôn anh L.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh L có một con chung tên là Lương Thu Y, sinh ngày 19-3-2023. Tại phiên tòa chị T, anh L vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Y, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh L cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cháu Y, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 24-10-2024 ở Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi chị T và anh L cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Hiện nay cháu Y đang sống cùng chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị T sống ly thân anh L cháu Y sống cùng chị T, cháu Y còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự sáo trộn về môi trường sinh hoạt của con chung, nên yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi cháu Y có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị T xin ly hôn anh L đồng ý, thuộc trường hợp các bên đương sự tự nguyện ly hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16-5-2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16-5-2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mông Thị T.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mông Thị T được ly hôn anh Lương Ngọc L

2- *Về con chung*: Giao cháu Lương Thu Y, sinh ngày 19-3-2023 cho chị Mông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi; anh Lương Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3- *Về án phí*:

- Chị Mông Thị T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2024/0001221 ngày 04-10-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T được hoàn lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Lương Ngọc L phải chịu 75.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Mông Thị T, anh Lương Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA, KT

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh